

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Quý IV năm 2012

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		289.387.854.986	193.028.638.505
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	39.921.238.387	2.636.591.673
1. Tiền	111		8.331.238.387	2.636.591.673
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.590.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		183.684.880.057	149.045.398.944
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	4.872.345.052	7.375.542.660
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	175.914.613.519	135.656.467.708
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	3.224.119.815	6.180.156.997
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(326.198.329)	(166.768.421)
IV. Hàng tồn kho	140		63.489.895.549	36.382.841.453
1. Hàng tồn kho	141	V.5	63.489.895.549	36.382.841.453
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.291.840.993	4.963.806.435
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		154.715.025	262.630.409
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.160.479.510	4.206.907.161
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		11.960.109	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	964.686.349	494.268.865

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		610.661.433.022	434.623.091.856
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.541.380.057	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		3.541.380.057	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		324.619.650.813	281.710.234.660
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	255.019.598.776	202.029.425.859
<i>Nguyên giá</i>	222		345.409.138.780	260.110.488.370
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(90.389.540.004)	(58.081.062.511)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	15.098.322.159	15.590.167.289
<i>Nguyên giá</i>	228		15.875.078.023	15.838.698.089
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(776.755.864)	(248.530.800)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	54.501.729.878	64.090.641.512
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		274.957.043.300	151.559.152.322
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	183.557.763.810	74.725.141.519
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	104.317.994.798	89.508.536.651
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.12	(12.918.715.308)	(12.674.525.848)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.270.611.386	1.353.704.874
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	1.202.111.386	1.285.204.874
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		68.500.000	68.500.000
VI. Lợi thế thương mại	269	V.14	6.272.747.466	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		900.049.288.008	627.651.730.361

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		361.281.171.901	325.167.739.292
I. Nợ ngắn hạn	310		269.227.485.465	206.403.421.591
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	176.756.587.087	126.654.436.530
2. Phải trả người bán	312	V.16	28.430.048.603	27.121.740.046
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	27.429.479.800	4.768.184.900
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	3.483.996.906	19.568.881.676
5. Phải trả người lao động	315		5.677.452.197	8.154.761.608
6. Chi phí phải trả	316	V.19	2.661.085.288	907.637.642
7. Phải trả nội bộ	317			-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	12.917.119.304	10.216.505.783
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	11.871.716.280	9.011.273.406
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			-
II. Nợ dài hạn	330		92.053.686.436	118.764.317.701
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			-
3. Phải trả dài hạn khác	333			-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	92.053.686.436	118.402.943.561
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	361.374.140
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		534.720.168.894	302.483.991.069
I. Vốn chủ sở hữu	410		534.720.168.894	302.483.991.069
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	303.738.000.000	81.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	18.144.236.071	12.514.630.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(39.255.176)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	101.382.082.596	94.141.270.299
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	11.680.122.435	8.100.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			(1.616.929.007)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	99.775.727.792	108.384.274.953
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.24	4.047.947.213	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		900.049.288.008	627.651.730.361

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	41.904.762
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		198.854.382	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		29,10	90.484,53
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ninh Hòa, ngày 07 tháng 02 năm 2013

**Ngô Thị Thu Trang**
Người lập biểu**Võ Thị Thủy Tiên**
Kế toán trưởng
Trâm Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 02a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	228.360.182.512	43.465.959.844	936.310.334.998	784.618.411.357
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		924.089.905	2.117.142.857	924.089.905	2.137.714.285
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	227.436.092.607	41.348.816.987	935.386.245.093	782.480.697.072
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	199.817.052.264	38.246.781.134	800.882.691.384	639.620.458.976
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.619.040.343	3.102.035.853	134.503.553.709	142.860.238.096
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.195.637.677	9.432.560.713	52.737.045.305	14.604.569.755
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	25.276.882.136	7.763.138.740	67.465.784.310	47.497.794.208
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.819.522.561	8.388.735.748	39.062.823.088	44.931.703.853
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	3.541.339.478	(177.899.955)	9.957.555.569	6.519.502.273
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8.931.541.294	2.373.350.402	27.741.375.350	12.821.243.994
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.064.915.112	2.576.007.379	82.075.883.785	90.626.267.376
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.189.723.956	12.933.427.880	7.582.758.471	17.035.525.309
12. Chi phí khác	32		1.466.829.486	8.273.410.480	3.987.360.884	9.453.663.925
13. Lợi nhuận khác	40		722.894.470	4.660.017.400	3.595.397.587	7.581.861.384
14. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45	VI.8	564.422.904	650.099.187	1.932.171.920	17.788.434.731
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.352.232.486	7.886.123.966	87.603.453.292	115.996.563.491
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	2.600.494.109	(4.571.270.392)	16.115.590.436	17.799.145.937

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 02a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4.751.738.377</u>	<u>12.457.394.358</u>	<u>71.487.862.856</u>	<u>98.197.417.554</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(637.975.180)	-	(952.612.274)	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		5.389.713.557	12.457.394.358	72.440.475.130	98.197.417.554
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>479</u>	<u>1.538</u>	<u>6.432</u>	<u>12.123</u>

Ninh Hòa, ngày 07 tháng 02 năm 2013



Ngô Thị Thu Trang
Người lập biểu



Võ Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Dạng đầy đủ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.083.882.962.673	803.021.552.377
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(801.985.660.815)	(619.544.489.381)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(39.505.291.090)	(22.457.479.950)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(65.127.947.606)	(32.939.973.939)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(32.458.417.679)	(5.798.562.286)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		83.760.338.880	6.391.858.832
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(264.926.975.134)	(44.291.683.227)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(36.360.990.771)	84.381.222.426
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(61.551.317.138)	(34.901.120.078)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		60.900.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(218.567.245.574)	(60.914.347.360)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		148.662.804.400	5.364.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.979.096.100	5.172.009.042
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(120.415.762.212)	(85.279.458.396)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		222.750.000.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		797.471.231.557	470.651.438.535
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(777.280.245.860)	(447.270.983.500)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(48.879.586.000)	(20.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		194.061.399.697	3.130.455.035
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		37.284.646.714	2.232.219.065
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.636.591.673	182.391.424
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	39.921.238.387	2.414.610.489

Ninh Hòa, ngày 07 tháng 02 năm 2013



Ngô Thị Thu Trang
Người lập biểu



Võ Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (công ty mẹ) và công ty con.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ :** Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh :** Sản xuất – chế biến
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm:**
 - Sản xuất đường từ mía và các sản phẩm phụ;
 - Tổ chức thu mua mía cây, đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu;
 - Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
 - Gia công chế tạo cơ khí;
 - Mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán phân bón;
 - Vận tải hàng hóa đường bộ;
 - Sản xuất phân bón;
 - Kinh doanh dịch vụ kho bãi ;
 - Sản xuất và kinh doanh bán điện;
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Chăn nuôi bò thịt giống gốc, vỗ béo bò thịt chất lượng cao; sản xuất cung cấp các giống vật nuôi phục vụ chăn nuôi; sản xuất cung cấp các giống cây trồng phục vụ ngành chăn nuôi; truyền giống, đào tạo, chuyển giao dịch vụ chăn nuôi thú y; trồng mía và các cây công nghiệp khác; kinh doanh bất động sản, kho bãi .
- Tổng số các công ty con :** 01
- Công ty con được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Bò Giống Miền Trung	Xã Ninh Sim – Huyện Ninh Hòa – Khánh Hòa	59,04%	59,04%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Mía Đường 333	Thị trấn EaKnốp – Huyện EaKar - Tỉnh ĐắkLắk	42,1%	42,1%
Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang	Số 160 Bác Ái – Phường Đô Vinh – Tp. Phan Rang – Tháp Chàm – Tỉnh Ninh Thuận	41,9%	41,9%
Công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Số 561 Trần Hưng Đạo – Thị Xã Ayunpa – Tỉnh Gia Lai	22,9%	22,9%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, dự phòng công nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

10. Tài sản cố định vô hình

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian 5 năm.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với chứng khoán không thu thập được giá giao dịch trên thị trường thì không lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 48 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian 36 tháng.

Các chi phí khác

Lệ phí trước bạ quyền sử dụng đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của diện tích đất 1.500 m² làm nhà chứa bã mía với thời gian phân bổ 25 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2012. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

14. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

15. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

16. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

17. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

19. Trích lập quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

22. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

24. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phải sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

25. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÍ 4

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	195.722.271	57.466.797
Tiền gửi ngân hàng	8.135.516.116	2.579.124.876
Tiền đang chuyển	31.590.000.000	-
Cộng	39.921.238.387	2.636.591.673

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công Ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Thực Phẩm Việt Nam	1.624.088.813	-
Công ty Cổ Phần CBKD Nông Sản Thực Phẩm Nosafood	453.000.000	-
Công Ty TNHH Taisho Việt Nam	539.000.000	-
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Á Châu	308.007.000	-
Công ty TNHH MTV Thực Phẩm Á Châu Đà Nẵng	235.494.000	-
Công ty Cổ Phần Điện Lực Khánh Hòa	211.908.730	-
Công ty Cổ Phần Mía Đường Phan Rang	-	7.341.522.560
Các khách hàng khác	1.500.846.509	34.020.100
Cộng	4.872.345.052	7.375.542.660

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2008-2010	133.927.073	158.732.748
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2010-2011	199.920.707	857.192.430
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2011-2012	1.912.747.336	132.337.285.542
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2012-2013	172.137.277.000	-
Công ty Cổ Phần Xây Lắp Hùng Vương	253.500.000	-
Công ty Cổ Phần Bourbon Tây Ninh	104.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.173.241.403	2.303.256.988
Cộng	<u>175.914.613.519</u>	<u>135.656.467.708</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ Phần Mía Đường 333	-	6.179.770.000
Công đoàn cơ sở	1.168.400.000	-
Các đối tượng khác	2.055.719.815	386.997
Cộng	<u>3.224.119.815</u>	<u>6.180.156.997</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	517.300.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	14.718.831.391	12.385.478.032
Công cụ, dụng cụ	38.643.994	40.319.328
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.946.556.031	5.536.812.783
Thành phẩm	42.695.273.918	18.006.867.655
Hàng hóa	573.290.215	413.363.655
Cộng	<u>63.489.895.549</u>	<u>36.382.841.453</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	296.425.149	43.208.225
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	668.261.200	451.060.640
Cộng	<u>964.686.349</u>	<u>494.268.865</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						Cộng
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật	
Nguyên giá						
Số đầu năm	62.559.947.976	190.373.221.383	6.733.184.285	444.134.726	-	260.110.488.370
Mua sắm mới	-	2.140.181.818	5.174.740.657	777.796.149	-	8.092.718.624
Đầu tư mới	2.788.594.935	65.842.716.825	-	-	-	68.631.311.760
Tăng do hợp nhất	7.897.574.690	40.901.400	381.379.700	48.390.764	620.913.036	8.989.159.590
Giảm do thanh lý	-	(280.913.910)	-	-	(133.625.654)	(414.539.564)
Số cuối năm	73.246.117.601	258.116.107.516	12.289.304.642	1.270.321.639	487.287.382	345.409.138.780
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	742.697.071	-	298.070.090	-	1.040.767.161
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	10.211.526.361	46.344.817.297	1.168.140.526	356.578.327	-	58.081.062.511
Khấu hao trong năm	3.998.334.943	25.629.801.669	805.646.848	114.705.312	-	30.548.488.772
Tăng do hợp nhất	1.473.254.221	38.034.352	190.689.849	28.912.297	288.827.688	2.019.718.407
Giảm do thanh lý	-	(196.639.733)	-	-	(63.089.953)	(259.729.686)
Số cuối năm	15.683.115.525	71.816.013.585	2.164.477.223	500.195.936	225.737.735	90.389.540.004
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	52.348.421.615	144.028.404.086	5.565.043.759	87.556.399	-	202.029.425.859
Số cuối năm	57.563.002.076	186.300.093.931	10.124.827.419	770.125.703	261.549.647	255.019.598.776

(*) Toàn bộ tài sản cố định hữu hình (Nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị) được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín.

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bảng quyền, bằng sáng chế	Cộng
	Nguyên giá			
Số đầu năm	15.335.998.089	502.700.000	-	15.838.698.089
Mua mới trong năm	-	-	36.379.934	36.379.934
Số cuối năm	15.335.998.089	502.700.000	36.379.934	15.875.078.023
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	198.260.801	50.269.999	-	248.530.800
Khấu hao trong năm	424.653.408	100.539.996	3.031.660	528.225.064
Số cuối năm	622.914.209	150.809.995	3.031.660	776.755.864
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	15.137.737.288	452.430.001	-	15.590.167.289
Số cuối năm	14.713.083.880	351.890.005	33.348.274	15.098.322.159

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận như sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất xã Krong Jing-Huyện MaĐrăc-Tỉnh Đắk Lắk (340 m²).
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhà 51A Yersin- Phường Phương Sài-TP.Nha Trang-Tỉnh Khánh Hòa (411,6 m²).
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 93, 94, 95, 96 thôn Buôn Lác- Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 01 thôn Phước Lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa (43.700 m²).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án nâng công suất 4300TMN	-	64.084.201.508
Dự án nâng công suất 6000TMN	53.837.775.333	-
Các hạn mục khác	663.954.545	6.440.004
Cộng	54.501.729.878	64.090.641.512

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Mía Đường 333 ^(a)	Sản xuất đường RS	42,1%	74.817.199.882	42,1%	53.518.067.492
Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang	Sản xuất đường RS	41,9%	19.821.935.750	41,9%	21.207.074.027
Công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai ^(b)	Sản xuất đường	22,9%	88.918.628.178	-	-
Cộng			183.557.763.810		74.725.141.519

(a) Đầu năm, Tập đoàn nắm giữ 1.670.944 cổ phiếu, tương đương 42,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Mía Đường 333. Trong năm, Tập đoàn mua 1.838.037 cổ phiếu và hiện nắm giữ 3.508.981 cổ phiếu, tương đương 42,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Mía Đường 333.

(b) Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn hiện nắm giữ 4.000.000 cổ phiếu, tương đương 22,9% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Công ty CP Mía Đường 333	Công ty CP Mía Đường Phan Rang	Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Cộng
Giá trị phần sở hữu đầu năm	53.518.067.492	21.207.074.027	-	74.725.141.519
Góp vốn trong năm	18.380.370.000	-	88.918.628.178	107.298.998.178
Cổ tức đã nhận trong năm	(3.942.610.000)	(1.837.173.000)	-	(5.779.783.000)
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	7.285.526.841	426.428.079	-	7.711.954.920
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ góp vốn	(41.379.553)	-	-	(41.379.553)
Điều chỉnh khác	(382.774.898)	25.606.644	-	(357.168.254)
Giá trị phần sở hữu cuối năm	74.817.199.882	19.821.935.750	88.918.628.178	183.557.763.810

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty CP Điện Gia Lai (GEC)	7.000.000	84.000.000.000	-	-
- Công ty CP Giao dịch hàng hóa SGTT	1.500.000	19.500.000.000	1.500.000	19.500.000.000
- Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín (SCR)	-	-	500.000	15.500.010.000
- Ngân hàng TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	-	-	3.600.004	54.434.576.248
- Công ty CP Đường Biên Hòa (BHS)	58.324	817.994.798	8.094	73.950.403
Cộng		104.317.994.798		89.508.536.651

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn của Công ty Cổ Phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.674.525.848	11.937.919.288
Trích lập dự phòng bổ sung	14.318.715.308	16.369.216.000
Hoàn nhập dự phòng	(14.074.525.848)	(15.632.609.440)
Số cuối năm	12.918.715.308	12.674.525.848

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.285.204.874	2.319.149.788
Phát sinh tăng trong năm	1.035.458.064	347.110.969
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(1.118.551.552)	(1.381.055.883)
Số dư cuối năm	1.202.111.386	1.285.204.874

14. Lợi thế thương mại

	Năm nay
Nguyên giá	
Số đầu năm	-
Tăng do nhận đầu tư vào Công ty con	7.527.296.959
Số cuối năm	7.527.296.959
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	-
Phân bổ trong năm	1.254.549.493
Số cuối năm	1.254.549.493
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	6.272.747.466

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)**15. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	146.845.422.227	101.451.628.535
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	101.451.628.535
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	79.696.370.994	-
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) CN Tp.HCM	55.671.353.560	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Khánh Hòa	11.477.697.673	-
Vay dài hạn đến hạn trả	29.911.164.860	25.202.807.995
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	29.911.164.860	25.202.807.995
Cộng	<u>176.756.587.087</u>	<u>126.654.436.530</u>

Chi tiết phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong năm</u>	<u>Số đã trả trong năm</u>	<u>Số dư cuối năm</u>
Vay ngắn hạn	101.451.628.535	797.471.231.557	(752.077.437.865)	146.845.422.227
Ngân hàng TM CP Sài Gòn Thương Tín	101.451.628.535	473.308.046.985	(574.759.675.520)	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	-	144.696.370.994	(65.000.000.000)	79.696.370.994
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) CN Tp.HCM	-	79.187.012.713	(23.515.659.153)	55.671.353.560
Công ty Cổ Phần Chứng Khoán TP.HCM	-	29.218.695.000	(29.218.695.000)	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội-CN Khánh Hòa	-	51.097.888.805	(39.620.191.132)	11.477.697.673
Ngân hàng TM CP Hàng Hải Việt Nam-CN Khánh Hòa	-	19.963.217.060	(19.963.217.060)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	25.202.807.995	29.911.164.860	(25.202.807.995)	29.911.164.860
Ngân hàng TM CP Sài Gòn Thương Tín	25.202.807.995	29.911.164.860	(25.202.807.995)	29.911.164.860
Cộng	<u>126.654.436.530</u>	<u>827.382.396.417</u>	<u>(777.280.245.860)</u>	<u>176.756.587.087</u>

16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Hiệp Thành	5.380.918.000	-
Công ty Hekou Mingcheng Technology & Tradeco., LTD	2.217.541.850	5.512.738.170
Behn Meyer Specialty Chemicals SDN.BHD	1.593.685.375	-
Công ty TNHH XD-TM-DV Trung Hưng Thịnh	748.366.520	-
Công ty TNHH MTV THG Việt Nam	921.300.000	3.388.646.800
Công ty Cổ Phần Nồi Hơi Việt Nam	-	3.654.700.000
Công ty CP SX TM Bao Bì Thành Thành Công	329.886.865	2.935.490.250
Tiền mía, tiền vận chuyển mía	10.949.400.759	4.335.665.410
Các nhà cung cấp khác	6.288.949.234	7.294.499.416
Cộng	<u>28.430.048.603</u>	<u>27.121.740.046</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

17. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thành Thành Công	26.728.932.000	4.591.933.500
Công ty TNHH Môi Trường Việt Mỹ	169.054.400	-
Công Ty TNHH Môi Trường Thế Giới Xanh	100.000.000	-
Ông Phạm Đức	255.825.000	-
Các khách hàng khác	175.668.400	176.251.400
Cộng	<u>27.429.479.800</u>	<u>4.768.184.900</u>

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do hợp nhất</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	6.594.697	27.740.153.754	(27.746.394.335)	354.116
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.733.853.849	(2.733.853.849)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	109.269.006	-	851.095.834	(895.673.364)	64.691.476
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.125.837.245	-	16.115.590.436	(32.458.417.679)	2.783.010.002
Thuế thu nhập cá nhân	333.496.875	1.105.574	2.356.649.306	(2.055.354.843)	635.896.912
Thuế tài nguyên	278.550	-	4.143.600	(4.377.750)	44.400
Thuế nhà đất	-	-	145.085.200	(145.085.200)	-
Tiền thuê đất	-	104.868.765	297.566.335	(402.435.100)	-
Các loại thuế khác	-	-	149.691.994	(149.691.994)	-
- Thuế môn bài	-	-	7.000.000	(7.000.000)	-
- Thuế nhà thầu	-	-	142.691.994	(142.691.994)	-
Cộng	<u>19.568.881.676</u>	<u>112.569.036</u>	<u>50.244.601.508</u>	<u>(66.591.284.114)</u>	<u>3.483.996.906</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Không chịu thuế: Hoạt động chăn nuôi, trồng trọt.

Thuế suất 5%: Đối với sản phẩm đường, phân bón, mật ri, bùn tro, bã mía, thuốc trừ cỏ.

Thuế suất 10%: Đối với hoạt động gia công cơ khí, điện thương phẩm, sản phẩm và dịch vụ khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	87.603.453.292	115.996.563.491
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		-
- Lợi thế thương mại	1.254.549.493	-
- Lãi tại Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ	(1.932.171.920)	(17.788.434.731)
- Lỗ trong năm của Công ty con	1.363.423.490	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.117.202.025	1.691.634.442
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(10.804.065.000)</u>	<u>(5.225.557.169)</u>
Tổng thu nhập chịu thuế	78.602.391.380	94.674.206.033
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	19.753.289.814	23.668.551.509
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	<u>(3.637.699.378)</u>	<u>(5.869.405.572)</u>
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>16.115.590.436</u>	<u>17.799.145.937</u>

Tiền thuế đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi ứng vốn tiền mua đường	1.640.837.280	-
Chi phí lãi vay	696.999.424	-
Chi phí vận chuyển	17.354.038	10.010.002
Trích trước chi phí khác	305.894.546	897.627.640
Cộng	<u>2.661.085.288</u>	<u>907.637.642</u>

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	269.801.813	-
Bảo hiểm xã hội	106.705.135	-
Bảo hiểm y tế	16.341.490	-
Sở Tài Chính Khánh Hòa - Ứng vốn theo chính sách bình ổn giá năm 2012	8.000.000.000	8.000.000.000
Phải trả tiền cổ tức đợt 2 năm 2011	2.091.122.000	-
Phải trả tiền đặt cọc- mua bã mía, cáp cầu mía	1.189.600.000	-
Các khoản phải trả khác	1.243.548.866	2.216.505.783
Cộng	<u>12.917.119.304</u>	<u>10.216.505.783</u>

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ khen thưởng Ban điều hành</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	2.536.915.024	5.180.538.836	1.293.819.546	9.011.273.406
Trích lập trong năm	7.677.403.338	3.308.013.027	527.721.590,00	11.513.137.955
Chi quỹ trong năm	(2.253.499.702)	(5.075.953.364)	(1.129.286.930)	(8.458.739.996)
Giảm khác trong năm	(7.808.746)	(22.533.269)	(163.613.070)	(193.955.085)
Cộng	<u>7.953.009.914</u>	<u>3.390.065.230</u>	<u>528.641.136</u>	<u>11.871.716.280</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

22. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Phòng Giao dịch Ninh Hòa chi tiết như sau :

Hợp đồng vay số 7504 ngày 16/06/2009 với hạn mức vay là 103.200.000.000 VND, thời hạn vay là 72 tháng để đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực chế biến. Lãi suất vay được quy định theo từng lần nhận nợ, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng vay số 01023800229 ngày 26/08/2010 với hạn mức vay là 35.000.000.000 VND, thời hạn vay là 120 tháng để chuyển nhượng bất động sản Nhà và đất tại 51A Yersin, Phường Phương Sài, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Lãi suất vay 1%/tháng, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng vay số 218/TC11 ngày 10/10/2011 với hạn mức vay là 50.500.000.000 VND, thời hạn vay là 72 tháng để đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực chế biến. Lãi suất vay được quy định theo từng lần nhận nợ, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa – Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	81.000.000.000	12.514.630.000	(39.255.176)	84.690.964.377	8.100.000.000	7.357.255	70.206.100.944	256.479.797.400
Tăng trong năm	-	-	-	9.450.305.922	-	-	-	9.450.305.922
Ảnh hưởng của việc suy giảm khoản đầu tư vào Công ty liên kết	-	-	-	-	-	(1.624.286.262)	-	(1.624.286.262)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	91.394.708.312	91.394.708.312
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(20.250.000.000)	(20.250.000.000)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	(32.966.534.303)	(32.966.534.303)
Số dư cuối năm trước	81.000.000.000	12.514.630.000	(39.255.176)	94.141.270.299	8.100.000.000	(1.616.929.007)	108.384.274.953	302.483.991.069
Số dư đầu năm nay	81.000.000.000	12.514.630.000	(39.255.176)	94.141.270.299	8.100.000.000	(1.616.929.007)	108.384.274.953	302.483.991.069
Tăng vốn trong năm	222.738.000.000	-	-	-	-	-	-	222.738.000.000
Hoàn nhập	-	-	39.255.176	-	-	-	-	39.255.176
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	72.440.475.130	72.440.475.130
Trích quỹ trong năm	-	-	-	10.887.664.769	3.629.221.590	-	(25.985.636.314)	(11.468.749.955)
Điều chỉnh trong năm	-	(180.200.000)	-	(3.646.852.472)	(49.099.155)	1.616.929.007	(2.447.190.018)	(4.706.412.638)
Chia lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(50.625.000.000)	(50.625.000.000)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết	-	5.809.806.071	-	-	-	-	(1.991.195.959)	3.818.610.112
Số dư cuối năm	303.738.000.000	18.144.236.071	-	101.382.082.596	11.680.122.435	-	99.775.727.792	534.720.168.894

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV (tiếp theo)

24. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	-
Góp vốn	4.798.170.000
Thặng dư vốn cổ phần	167.679.854
Quỹ đầu tư phát triển	14.976.441
Quỹ dự phòng tài chính	14.976.441
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	<u>(947.855.523)</u>
Số cuối năm	<u><u>4.047.947.213</u></u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÍ IV

1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tổng doanh thu	228.360.182.512	43.465.959.844
- Doanh thu đường RS	225.122.291.208	38.897.806.680
- Doanh thu mật ri	147.746.630	4.422.500.547
- Doanh thu bùn, tro	114.780.599	17.633.917
- Doanh thu điện thương phẩm	192.644.300	-
- Doanh thu khác	2.782.719.775	128.018.700
Các khoản giảm trừ doanh thu	(924.089.905)	(2.117.142.857)
- Giảm giá hàng bán	(924.089.905)	-
- Hàng bán bị trả lại	-	<u>(2.117.142.857)</u>
Doanh thu thuần	<u>227.436.092.607</u>	<u>41.348.816.987</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Giá vốn đường RS	197.928.989.911	33.678.627.970
Giá vốn mật ri	147.746.521	4.422.500.547
Giá vốn bùn, tro	108.790.197	17.633.917
Giá vốn điện thương phẩm	192.644.300	-
Giá vốn khác	1.438.881.335	128.018.700
Cộng	<u>199.817.052.264</u>	<u>38.246.781.134</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Cổ tức lợi nhuận được chia	5.012.141.000	721.889.667
Lãi đầu tư nông dân trồng mía	10.434.017.463	8.096.350.774

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	749.479.214	614.320.272
Cộng	16.195.637.677	9.432.560.713
4. Chi phí tài chính		
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí lãi vay	6.819.522.561	8.388.735.748
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	11.073.003.723	2.300.000.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	-	(4.166.124.000)
Chi phí tài chính khác	7.384.355.852	1.240.526.992
Cộng	25.276.882.136	7.763.138.740
5. Chi phí bán hàng		
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí nhân viên	216.544.036	44.295.360
Chi phí vận chuyển	3.310.682.442	(232.995.315)
Chi phí bằng tiền khác	14.113.000	10.800.000
Cộng	3.541.339.478	(177.899.955)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí nhân viên	4.827.873.757	199.597.036
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	207.237.339	61.951.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	458.042.635	337.567.484
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	376.364.847	-
Chi phí khác	3.062.022.716	1.774.234.200
Cộng	8.931.541.294	2.373.350.402
7. Thu nhập khác		
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Thu từ hoạt động cho thuê nhà	1.065.000.000	1.065.000.000
Thu phạt vi phạm hợp đồng	259.500.000	-
Thu thanh lý tài sản	258.924.558	11.069.843.687
Thu nhập khác	606.299.398	798.584.193
Cộng	2.189.723.956	12.933.427.880
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh		
	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	564.422.904	650.099.187
Cổ tức đã nhận trong năm	-	-
Cộng	564.422.904	650.099.187

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.389.713.557	12.457.394.358
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.389.713.557	12.457.394.358
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.262.329	8.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	479	1.538

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của các công ty trong Tập đoàn.

Các giao dịch giữa Công ty với các Thành viên quản lý chủ chốt bao gồm:

Thành viên chủ chốt	Nội dung giao dịch
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Tiền thù lao trong kỳ này là 1.061.500.000 VND, cùng kỳ năm trước là 1.129.300.000 VND
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Tiền lương, thưởng theo quy chế của Công ty. Thu nhập trong kỳ này 5.260.566.953 VND, cùng kỳ năm trước là 3.814.062.536 VND

2. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Bò Giống Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Mía Đường 333	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn sở hữu 40,8% vốn điều lệ
Công ty CP SX TM Bao Bì Thành Thành Công	Cổ đông sở hữu 3,3% vốn điều lệ
Công ty Cổ Phần Bourbon Tây Ninh	Công ty thành viên của cổ đông lớn
Công ty Cổ Phần Đường Biên Hòa	Công ty thành viên của cổ đông lớn

Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ Phần Bò Giống Miền Trung	14.768.540.529	-
-Mua cổ phiếu	14.732.250.000	-
-Chi phí thuê đất	36.290.529	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Mía Đường 333	24.190.734.463	10.119.244.600
- Mua cổ phiếu	18.380.370.000	8.775.814.600
- Cổ tức được chia	4.177.360.000	1.343.430.000
- Thu tiền lãi do ứng trước tiền mua cổ phiếu	1.633.004.463	-
Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang	2.784.571.364	9.747.531.500
- Mua cổ phiếu	-	9.747.531.500
- Cổ tức được chia	1.837.173.000	-
- Bán thanh lý tài sản	756.051.364	10.715.052.960
- Mua đường RS nước trong	191.347.000	-
Công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	93.785.450.000	-
- Mua cổ phiếu	88.785.450.000	-
- Cổ tức được chia	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công	856.974.556.586	1.043.349.950.500
- Nhận tiền ứng trước mua đường, mật ri	435.951.968.000	521.457.772.000
- Thanh toán tiền lãi ứng trước mua đường, mật ri	5.565.793.386	2.580.000.000
- Bán hàng hóa (đường, mật ri)	343.814.969.500	469.312.178.500
- Thanh toán tiền ứng trước mua đường	70.000.000.000	50.000.000.000
- Mua các dịch vụ khác	1.641.825.700	-
Công ty Cổ phần SX TM Bao Bì Thành Thành Công	51.166.516.715	22.340.181.252
- Bán hàng hóa (đường, mật ri)	15.605.400.000	6.060.175.000
- Thu tiền bán hàng hóa (đường)	15.605.400.000	5.140.175.000
- Mua bao bì, hàng hóa	8.260.631.665	6.835.898.201
- Thanh toán tiền mua hàng hóa	11.695.085.050	4.303.933.051
Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh	222.950.187.500	-
- Nhận tiền ứng trước mua đường	109.350.000.000	-
- Lãi ứng vốn tiền mua đường	4.146.187.500	-
- Ứng trước tiền cung cấp dịch vụ	104.000.000	-
- Thanh toán tiền ứng trước mua đường	109.350.000.000	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	540.862.571.408	-
- Nhận tiền ứng trước mua đường	264.741.333.333	-
- Bán hàng hóa (đường)	270.047.679.704	-
- Thu tiền bán đường	3.774.956.438	-
- Lãi ứng vốn tiền mua đường	1.531.389.933	-
- Mua cổ phiếu	742.930.000	-
- Cổ tức được chia	24.282.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 số dư công nợ của các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Mía Đường 333	-	594.802.863
Công ty Cổ phần Dầu Tư Thành Thành Công	28.369.769.280	4.591.933.500
- <i>Ứng trước tiền mua đường, mật ri (V.17)</i>	26.728.932.000	4.591.933.500
- <i>Lãi tiền ứng trước (V.19)</i>	1.640.837.280	-
Công ty Cổ phần SX TM Bao Bì Thành Thành Công (V.16)	329.886.865	2.935.490.250
Cộng các khoản phải trả	<u>28.699.656.145</u>	<u>8.122.226.613</u>
Công ty Cổ phần Mía Đường 333	-	6.179.770.000
Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang	284.817.014	7.341.522.560
Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh	104.000.000	-
Cộng các khoản phải thu	<u>388.817.014</u>	<u>13.521.292.560</u>

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.921.238.387	2.636.591.673	39.921.238.387	2.636.591.673
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	91.399.279.490	76.834.010.803	91.399.279.490	76.834.010.803
Phải thu khách hàng	4.872.345.052	7.375.542.660	4.872.345.052	7.375.542.660
Các khoản phải thu khác	3.862.607.835	6.507.657.441	3.862.607.835	6.507.657.441
Cộng	<u>140.055.470.764</u>	<u>93.353.802.577</u>	<u>140.055.470.764</u>	<u>93.353.802.577</u>
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	268.810.273.523	245.057.380.091	268.810.273.523	245.057.380.091
Phải trả cho người bán	28.430.048.603	27.121.740.046	28.430.048.603	27.121.740.046
Các khoản phải trả khác	20.862.808.351	19.473.480.265	20.862.808.351	19.473.480.265
Cộng	<u>318.103.130.477</u>	<u>291.652.600.402</u>	<u>318.103.130.477</u>	<u>291.652.600.402</u>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.7). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
Số cuối năm		
Hàng tồn kho	63.489.895.549	
Tài sản cố định hữu hình	247.370.046.058	
Cộng	310.859.941.607	
Số đầu năm		
Hàng tồn kho	18.006.867.655	
Tài sản cố định hữu hình	196.376.825.701	
Cộng	214.383.693.356	

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2012.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản đầu tư trồng mía) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, các cá nhân và các tổ chức nhận đầu tư phải có điều kiện đảm bảo khoản nhận đầu tư theo qui định và nhân viên kế toán công nợ, nhân viên nông vụ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	176.756.587.087	92.053.686.436	-	268.810.273.523
Phải trả cho người bán	28.430.048.603	-	-	28.430.048.603
Các khoản phải trả khác	20.862.808.351	-	-	20.862.808.351
Cộng	226.049.444.041	92.053.686.436	-	318.103.130.477
Số đầu năm				
Vay và nợ	121.485.889.614	100.902.943.561	22.668.546.916	245.057.380.091
Phải trả cho người bán	27.121.740.046	-	-	27.121.740.046
Các khoản phải trả khác	19.473.480.265	-	-	19.473.480.265
Cộng	168.081.109.925	100.902.943.561	22.668.546.916	291.652.600.402

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

8. Thông tin khác

Kết quả hoạt động kinh doanh Quý IV năm 2012 so với Quý IV năm 2011

	Quý IV/2012	Quý IV/2011	Biến động (+,-)	Tỷ lệ (%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.619.040.343	3.102.035.853	24.517.004.490	790,35
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.064.915.112	2.576.007.379	3.488.907.733	135,44
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.352.232.486	7.886.123.966	(533.891.480)	(6,77)

Các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự biến động:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý IV năm nay tăng cao so với cùng kỳ năm trước là 24.517.004.490 VND, tương đương tăng 790%; nguyên nhân chủ yếu do sản lượng bán ra tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận kế toán trước thuế Quý IV năm nay giảm so với cùng kỳ năm trước là 533.891.480 VND, tương đương giảm 6,77%; nguyên nhân chủ yếu do chi phí hoạt động tài chính tăng so với cùng kỳ năm trước là 17.513.743.396 VND, tương đương tăng 225%, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng do với cùng kỳ năm trước là 6.558.190.892 VND, tương đương tăng 276%.

Ngô Thị Thu Trang
Người lập biểu

Võ Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Ninh Hòa, ngày 07 tháng 02 năm 2013

Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc